

1. Simple past tense (review)

A. THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VỚI ĐỘNG TỪ “TO BE”

Động từ “to be” ở thì quá khứ đơn có hai dạng là “was” và “were”.

1. Khẳng định:

S + was/ were....

Trong đó: S (subject): chủ ngữ

CHÚ Ý:

S = I/ He/ She/ It (số ít) + was

S = We/ You/ They (số nhiều) + were

Ex:

- I **was** at my friend's house yesterday morning.
- They **were** in London on their summer holiday last year.

2. Phủ định:

S + was/were + not

Đối với câu phủ định ta chỉ cần thêm “not” vào sau động từ “to be”.

CHÚ Ý:

- was not = wasn't
- were not = weren't

Ex.:

- She **wasn't** very happy last night because of having lost money.
- We **weren't** at home yesterday.

3. Câu hỏi:

Were/ Was + S + ?

+ Yes, I/ he/ she/ it + was. – No, I/ he/ she/ it + wasn't.

+ Yes, we/ you/ they + were. – No, we/ you/ they + weren't.

Câu hỏi ta chỉ cần đảo động từ “to be” lên trước chủ ngữ.

Ex.:

- **Was** she tired of hearing her customer's complaint yesterday?
Yes, she was./ No, she wasn't.
- **Were** they at work yesterday?
Yes, they were./ No, they weren't.

B. CÔNG THỨC THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN VỚI ĐỘNG TỪ THƯỜNG

1. Khẳng định:

S + V2/-ed +....

Ex.

- We **studied** English last night.
- He **met** his old friend near his house yesterday.

2. Phủ định:

S + did not + Vo +.....
(didn't)

Ex.:

- He **didn't come** to school last week.
- We **didn't see** him at the cinema last night.

3. Câu hỏi:

Did + S + Vo +.....?

Ex.:

- **Did** you **visit** Ho Chi Minh Museum with your class last weekend?

Yes, I did./ No, I didn't.

- **Did** he **miss** the train yesterday?

Yes, he did./ No, he didn't.

C. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN.

Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian trong quá khứ:

- yesterday (*hôm qua*)

- last night/ last week/ last month/ last year: *tối qua/ tuần trước/ tháng trước/ năm ngoái*

- ago: *Cách đây.* (two hours ago: *cách đây 2 giờ/ two weeks ago: cách đây 2 ngày ...*)

- when: *khi (trong câu kể)*

* **Cách thêm "-ed" vào sau động từ:**

- Thông thường ta thêm "ed" vào sau động từ.

Ex.: watch – watched turn – turned want – wanted

+ Động từ tận cùng là "e" -> ta chỉ cần cộng thêm "d".

Ex.: type – typed smile – smiled agree – agreed

+ Động từ có MỘT âm tiết, tận cùng là MỘT phụ âm, trước phụ âm là MỘT nguyên âm -> ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm "-ed".

Ex.: stop – stopped shop – shopped tap – tapped

NGOẠI LỆ: commit – committed travel – travelled prefer - preferred

+ Động từ tận cùng là "y":

- Nếu trước "y" là MỘT nguyên âm (a, e, i, o, u) ta cộng thêm "ed".

Ex.: play – played stay - stayed

- Nếu trước "y" là phụ âm (còn lại) ta đổi "y" thành "i + ed".

Ex.: study – studied cry - cried

EXERCISES - UNIT 9- GRADE 7

I. Use the correct tense of the verb:

1. The sea food (be)..... very delicious.
 2. Hoa (get)..... a letter from her pen pal Tim yesterday.
 3. I (go)..... to the movie last week.
 4. They (not/buy)..... that house 2 years ago.
 5. Liz (travel)..... to Ha Noi from Nha Trang two days ago.
 6. She (make)..... a blue dress on her birthday.
 7. Mr. Robinson (buy)..... Liz a cap.
 8. He (take)..... his children to the zoo last Sunday
1. The homework (be) very difficult yesterday
 2. The children (be/not)..... in the park 5 minutes ago.
 3. Nha Trang (be)..... a beautiful place.
 4. I (be)..... late for school yesterday.
 5. Where (be)..... she yesterday? -She (be)..... at home
 6. We (be)..... tired today. We (be)..... at the party last night.
 7. She (be/not)..... happy because she doesn't have any friends in the city
 8. (Be)..... you at home yesterday morning?

II. Write the complete sentences from the cues given.

1. The children / be / very happy / their trip / Nha Trang.
.....

2. She / buy / a lot / souvenirs / last summer vacation .
.....

3. My mother / give / me / yellow cap .
.....

4. I / speak / her / my vacation .
.....

5. Mr. Quang / teach / maths / many years ago .
.....

6. I / not / see / you / the party / last night .
.....

7. They / live / the city / two years ago .
.....

8. Nga / be / late / school / yesterday morning .
.....

9. They / arrive / at the airport / this morning
.....

10. Minh/ put / the cake / the table
.....

III. Đặt câu hỏi nghi vấn với từ cho sẵn và trả lời, sử dụng thời quá khứ đơn:

1. Ba / teach Liz Vietnamese/ (Yes)

-> Did Ba teach Liz Vietnamese? - Yes, he did.

2. he/ mail his friend a postcard// (No)
.....

3. they/ return home/ yesterday// (No)
.....

4. Mrs. Robinson/ buy a poster// (Yes)
.....

5. you/ send me those flowers// (Yes)
.....

6. she/ receive many gifts// (No)

7. we/ meet her at the meeting/ last week// (Yes)
.....

8. they/ live in this town/ in 1990// (No)
.....

IV/ Supply the past form of verbs

want, play, go, see, help, fit, think, meet, like, cut, wear, watch, visit, look, be, have, catch, become, need, write, send, remember, stop, talk, rent, read, learn, buy, miss, study, start, use, begin.

V. Use the correct tense of the verb:

“Mr. Tam (be) a teacher. Two years ago, he (teach) math in a small school in the country. But now he (teach) at a high school in the city. Every day, Mr. Tam (get) up at half past five. After his morning exercises, he (take) a bath and (have) breakfast with his wife. Then he (leave) home for school at a quarter to seven. Yesterday (be) Sunday. Mr. Tam (not go) to school. He and his wife (visit) his parents in the countryside. He (buy) them lots of presents. Mr. Tam and his wife (spend) their day off with their parents. They (return) home at 9.30 in the evening.”

VI. Đòi các câu sau sang phủ định và nghi vấn:

1. My father decorated the Christmas tree.
-> My father didn't decorate the Christmas tree.
-> Did your father decorate the Christmas tree?
2. She bought a new dress yesterday.
.....
3. They were late for school.
.....
4. Mr. Tam took his children to the museum last Sunday.
.....
5. Hoa made a cushion for her armchair.
.....
6. They painted their house yellow.
.....
7. This dress was fit.
.....
8. I saw her two days ago.
.....

VII/ Make question from the underlined word or phrase

- a. Her mother gave her a blue dress.
.....
- b. I went to Nha Trang last summer vacation.
.....
- c. Mrs. Robinson put the poster on the wall.
.....
- d. The dress looked very nice.

.....
e. We arrived home at 7.30 yesterday.

.....
f. Ba spoke about his last summer vacation.

.....
g. He taught English at a high school?

.....
h. They saw her three months ago.

.....

VIII. Use the correct tense of the verb:

1. He (go)..... to the English club every Sunday. But last Sunday he (not go)..... there, he (go)..... to the City' Museum.

2. My mother (make)..... a dress now.

3. Two years ago, she (teach)..... at a village school.

4. What you (do)..... yesterday morning?

5. We (travel) to Hue next month.

6. They usually (have)..... dinner at home, but they (have) dinner in a small restaurant yesterday evening.

7. The children (be)..... here ten minutes ago, but at the moment they (play)..... in the yard.

8. I (meet).... them at the movie theater last night.

9. He (go).... to the English club every Sunday. But last Sundayhe (not go).... t here, he (go).... to the City's Museum.

10. Don't talk to the children. They (do).... their homework at the moment.

11. Two years ago, she (teach).... at a village school.

12. What.... you (do).... yesterday morning?

- I (write).... my essay.

13. Next week, we (have).... dinner together.

14. My sister (live).... in a flat in London but she (travel).... in Europe at this time.

15. The children (be).... in class now, but ten minutes ago they (be).... in the school yard.